

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **11** /2026/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày **31** tháng **3** năm 2026

THÔNG TƯ

Ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù, Nhà nước mua và phổ biến công nghệ

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù, Nhà nước mua và phổ biến công nghệ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù, Nhà nước mua và phổ biến công nghệ theo quy định tại khoản 6 Điều 11, khoản 9 Điều 13, khoản 5 Điều 14, khoản 7 Điều 15, khoản 4 Điều 36 và khoản 6 Điều 38 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ đối với hoạt động chuyển giao công nghệ;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù và bên chuyển giao, bên nhận chuyển giao, phổ biến công nghệ;

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Biểu mẫu hồ sơ

Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù, Nhà nước mua và phổ biến công nghệ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2026.



2. Cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ đối với hoạt động chuyển giao công nghệ, cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù và bên chuyển giao, bên nhận chuyển giao, phổ biến công nghệ và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Công Thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, PC, ĐMST.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng





Phụ lục

**BIỂU MẪU HỒ SƠ THỰC HIỆN THỦ TỤC
THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ,
NHÀ NƯỚC MUA VÀ PHỔ BIẾN CÔNG NGHỆ**

(Kèm theo Thông tư số **M** /2026/TT-BKHCHN ngày **M** tháng **3** năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù
Mẫu số 02	Thuyết minh công nghệ đề nghị thẩm định trong trường hợp đặc thù
Mẫu số 03	Thông báo Dự toán kinh phí thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù
Mẫu số 04	Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ
Mẫu số 05	Phiếu nhận xét, đánh giá của thành viên Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ
Mẫu số 06	Biên bản họp Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ
Mẫu số 07	Biên bản đánh giá việc thử nghiệm công nghệ trong điều kiện thực tế
Mẫu số 08	Thông báo kết quả thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù
Mẫu số 09	Đề án mua và phổ biến công nghệ
Mẫu số 10	Báo cáo thẩm định Đề án mua và phổ biến công nghệ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ
TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ

Kính gửi:.....¹

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH

1. Đối tượng đề nghị²

1.1. Tổ chức

Tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Email:.....

Mã số thuế:.....³

Tên người đại diện theo pháp luật:..... Chức vụ:.....

1.2. Cá nhân

Họ và tên:.....

Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu:⁴

Địa chỉ liên hệ:.....

Điện thoại:..... Email:.....

II. THÔNG TIN VỀ CÔNG NGHỆ

1. Tên công nghệ:

2. Thuộc lĩnh vực công nghệ⁵:.....

3. Lĩnh vực/ngành áp dụng⁶:.....

4. Nguồn gốc công nghệ:

Ghi chú:

¹ Điền tên Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phù hợp.

² Điền vào mục 1.1 trong trường hợp đối tượng đề nghị là tổ chức; mục 1.2 trong trường hợp đối tượng đề nghị là cá nhân.

³ Trường hợp cần thiết để phục vụ quản lý, đối chiếu hồ sơ và cơ quan tiếp nhận không khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu có liên quan, tổ chức bổ sung các thông tin, tài liệu liên quan theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, gồm thông tin về quyết định thành lập, giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật.

⁴ Trường hợp cần thiết để phục vụ quản lý, đối chiếu hồ sơ và cơ quan tiếp nhận không khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu có liên quan, cá nhân bổ sung thông tin về ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nơi cấp, ngày cấp giấy tờ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

⁵ Phân loại theo phân ngành khoa học và công nghệ (cấp 3) tại Thông tư số 24/2025/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 10 năm 2025

⁶ Khai báo theo Ngành cấp 3 của Danh mục ngành kinh tế Việt Nam được quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ

- Công nghệ do (tổ chức/cá nhân) nghiên cứu tạo ra
- Công nghệ do (tổ chức/cá nhân) đầu tư

III. HỒ SƠ GỬI KÈM

- Thuyết minh công nghệ đề nghị thẩm định trong trường hợp đặc thù (Mẫu số 02 Thông tư /2026/TT-BKHHCN ngày 31/3/2026).
- Tài liệu khác (nếu có):.....

IV. THÔNG TIN ĐẦU MỐI LIÊN HỆ

- 1. Họ và tên:.....
- 2. Chức vụ (đối với tổ chức):.....
- 3. Điện thoại:..... Email:.....

Chúng tôi/tôi cam kết tất cả các nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của hồ sơ; tuân thủ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 11 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ.

Đề nghị Quý cơ quan xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định.

..., ngày ... tháng ... năm...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH CÔNG NGHỆ ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH
TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức)/địa chỉ thường trú (đối với cá nhân):
4. Địa điểm thử nghiệm/vận hành/địa điểm đề nghị đánh giá thực tế (nếu có):
5. Điện thoại: Email:
6. Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG NGHỆ

1. Tên công nghệ:
2. Thuộc lĩnh vực công nghệ¹:
3. Lĩnh vực/ngành áp dụng²:
4. Nguồn gốc công nghệ:
 - Công nghệ do (tổ chức/cá nhân) nghiên cứu tạo ra
 - Công nghệ do (tổ chức/cá nhân) đầu tư

III. THUYẾT MINH VỀ CÔNG NGHỆ

1. Phương án, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật (*mô tả rõ ràng về nguyên lý hoạt động và cách thức vận hành*).
2. Các yếu tố kỹ thuật để thực hiện phương án, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật (*bao gồm: công cụ, thiết bị, thông số, thiết kế, sơ đồ kỹ thuật, mô hình, thuật toán, công thức, phần mềm, thông tin, dữ liệu, vật liệu hoặc yếu tố kỹ thuật khác*).
3. Khả năng tạo ra sản phẩm, dịch vụ hoặc kết quả cụ thể (*mô tả sản phẩm, dịch vụ hoặc kết quả thử nghiệm trong điều kiện thực tế*).
4. Minh chứng/mô tả công nghệ không thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyên giao theo quy định tại Mục A Phụ lục III Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày

Ghi chú:

¹ Phân loại theo phân ngành khoa học và công nghệ (cấp 3) tại Thông tư số 24/2025/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 10 năm 2025

² Khai báo theo Ngành cấp 3 của Danh mục ngành kinh tế Việt Nam được quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ

31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ.

5. Minh chứng/mô tả công nghệ đã được thử nghiệm, vận hành ngoài phạm vi phòng thí nghiệm trong điều kiện phù hợp với mục đích ứng dụng (*mô hình, dây chuyền thử, vận hành thử hoặc tương đương*).

6. Minh chứng/mô tả về thông số kỹ thuật vận hành thực tế và kết quả đầu ra đo được, thể hiện công nghệ vận hành theo quy trình dự kiến và đạt các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu.

7. Minh chứng/mô tả về sản phẩm, dịch vụ, kết quả thực tế đã tạo ra trong quá trình thử nghiệm, vận hành.

8. Minh chứng/mô tả về việc đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm, dịch vụ hoặc kết quả thực tế của công nghệ.

9. Mô tả về quy trình công nghệ, hướng dẫn vận hành, bảo trì, xác định được điều kiện hạ tầng, thiết bị phụ trợ, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đầu vào, nhân lực cần thiết để triển khai trong sản xuất, kinh doanh.

10. Minh chứng/mô tả về khả năng vận hành ổn định và kiểm soát chất lượng theo các thông số kỹ thuật chủ yếu trong phạm vi, điều kiện ứng dụng công nghệ.

11. Phương án/biện pháp quản lý rủi ro và bảo đảm an toàn, môi trường phù hợp với phương án ứng dụng.

12. Minh chứng hoặc cam kết về quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp và quyền khai thác công nghệ phục vụ sản xuất kinh doanh.

IV. KIẾN NGHỊ

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định.

..., ngày ... tháng ... năm...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...
CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THUỘC UBND CẤP TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TB-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về dự toán kinh phí thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù

Kính gửi:¹

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thẩm định công nghệ của....., Mã hồ sơ:....., ngày tiếp nhận: .../.../...

Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo dự toán kinh phí thẩm định công nghệ như sau:

1. Dự toán kinh phí (khoản 1 Điều 15 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP)

- Tổng dự toán kinh phí:.....(đồng)
- Dự toán kinh phí chi tiết kèm theo.

2. Dự toán kinh phí bổ sung (khoản 2 Điều 15 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP)

- Tổng dự toán kinh phí:.....(đồng)
- Dự toán kinh phí chi tiết kèm theo.

Ghi chú: Tổ chức, các nhân đề nghị thẩm định công nghệ có văn bản trả lời theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyên giao công nghệ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định công nghệ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...
CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THUỘC UBND CẤP TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH**

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 115/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ ;

Theo đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ của ...

Danh sách các thành viên Hội đồng kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Nhiệm vụ và nguyên tắc làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng có trách nhiệm tư vấn thẩm định đối với hồ sơ đề nghị thẩm định công nghệ cho (Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

2. Nguyên tắc, trình tự, nội dung thẩm định và chế độ làm việc của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ có tên tại Điều 1, Thủ trưởng đơn vị đầu mối tham mưu (của Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Thủ trưởng các đơn vị có liên quan

và tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục
DANH SÁCH THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-... ngày .../.../.... của)

STT	Họ và tên	Lĩnh vực chuyên môn/quản lý	Cơ quan công tác	Chức danh trong Hội đồng
1				Chủ tịch
2				Phó Chủ tịch
3				Ủy viên
...				...
...				Ủy viên, Thư ký

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THUỘC UBND CẤP TỈNH
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ
CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên công nghệ:
2. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị thẩm định công nghệ:
3. Mã số hồ sơ:
4. Cơ quan thẩm định công nghệ:
5. Quyết định thành lập Hội đồng số:/QĐ-..... ngày .../.../....
6. Phiên họp Hội đồng ngày .../.../....
7. Họ và tên Thành viên Hội đồng:
8. Chức danh trong Hội đồng: Chủ tịch Phó Chủ tịch Ủy viên
9. Chuyên môn/lĩnh vực của Ủy viên Hội đồng:

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ THẨM ĐỊNH

STT	Nội dung tiêu chí	Đạt	Không đạt	Nhận xét/đánh giá (nêu rõ điểm mạnh/điểm chưa rõ)	Yêu cầu giải trình/bổ sung (nếu có)
1	Có phương án, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật được mô tả rõ ràng về nguyên lý hoạt động và cách thức vận hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
2	Có một hoặc một số yếu tố kỹ thuật để thực hiện phương án, quy trình công	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		

	nghệ, giải pháp kỹ thuật quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP, bao gồm: công cụ, thiết bị, thông số, thiết kế, sơ đồ kỹ thuật, mô hình, thuật toán, công thức, phần mềm, thông tin, dữ liệu, vật liệu hoặc yếu tố kỹ thuật khác				
3	Có khả năng tạo ra sản phẩm, dịch vụ hoặc kết quả cụ thể, xác định được trong thực tế	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
4	Không thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao theo quy định tại Mục A Phụ lục III Nghị định số 101/2026/NĐ-CP	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
5	Đã được thử nghiệm, vận hành ngoài phạm vi phòng thí nghiệm trong điều kiện phù hợp với mục đích ứng dụng (mô hình, dây chuyền thử, vận hành thử hoặc tương đương), có biên bản thử nghiệm, nghiệm thu hoặc xác nhận	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
6	Có thông số kỹ thuật vận hành thực tế và kết quả đầu ra đo được, thể hiện công nghệ vận hành theo quy trình dự kiến và đạt các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
7	Tạo ra sản phẩm, dịch vụ hoặc kết quả thực tế từ công nghệ trong quá trình thử nghiệm, vận hành quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		

8	Sản phẩm, dịch vụ hoặc kết quả thực tế quy định tại khoản 8 Điều 12 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan (nếu thuộc đối tượng áp dụng) hoặc có tiêu chuẩn cơ sở	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
9	Có quy trình công nghệ và hướng dẫn vận hành, bảo trì, xác định được điều kiện hạ tầng, thiết bị phụ trợ, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đầu vào, nhân lực cần thiết để triển khai trong sản xuất, kinh doanh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
10	Có minh chứng về khả năng vận hành ổn định, lặp lại và kiểm soát chất lượng theo các thông số kỹ thuật chủ yếu trong phạm vi, điều kiện ứng dụng công nghệ đề nghị thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
11	Có tài liệu đánh giá rủi ro và biện pháp bảo đảm an toàn, môi trường phù hợp với phương án ứng dụng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
12	Có tài liệu chứng minh hoặc văn bản cam kết về quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp đối với công nghệ và quyền khai thác phục vụ sản xuất, kinh doanh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		

III. KẾT LUẬN

....., ngày.....tháng..... năm

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THUỘC UBND CẤP TỈNH
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Quyết định số /QĐ-... ngày... tháng ... năm ... của...Thủ trưởng Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh.

2. Địa điểm, thời gian, hình thức họp Hội đồng:

- Địa điểm:

- Thời gian: ... giờ, ngày ... tháng ... năm...

- Hình thức: Trực tiếp/Trực tuyến/Trực tiếp kết hợp trực tuyến.

3. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên .../...người.

Vắng mặt ... người, gồm các thành viên:

4. Đại diện cơ quan có thẩm quyền công bố Quyết định thành lập Hội đồng, nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu của phiên họp, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự (nếu có).

5. Đại biểu tham dự:

Ông/bà:.....

Ông/bà:.....

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG (Ghi chép của thư ký)

1. Chủ tịch Hội đồng ... chủ trì phiên họp, trao đổi thống nhất nguyên tắc làm việc của Hội đồng.

2. Hội đồng thảo luận, đánh giá theo các tiêu chí quy định tại Điều 12 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ.

III. KẾT LUẬN

Hội đồng kết luận các nội dung theo quy định tại khoản 8 Điều 13 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ.

Biên bản được lập xong lúc ... giờ, ngày ... tháng ... năm ... và đã được Hội đồng thống nhất thông qua và đề nghị (Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xem xét quyết định.

Thư ký Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

Chủ tịch Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục
Ý KIẾN TRAO ĐỔI ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Biên bản họp Hội đồng.....)

1.

...

Thư ký hội đồng
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THUỘC UBND CẤP TỈNH
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
ĐÁNH GIÁ VIỆC THỬ NGHIỆM CÔNG NGHỆ
TRONG ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ

Hôm nay, vào hồi ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm ..., tại, chúng tôi tiến hành đánh giá việc thử nghiệm công nghệ trong điều kiện thực tế, với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên công nghệ:
2. Tổ chức/cá nhân đề nghị thẩm định:
3. Đại diện Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh:
4. Quyết định thành lập Hội đồng số: .../QĐ-... ngày .../.../... của...
5. Văn bản số ... ngày.../.../... của (Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh) về việc giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế.
6. Thời gian đánh giá: từ ... giờ ... phút ngày .../.../... đến ... giờ ... phút ngày .../.../...
7. Địa điểm đánh giá:.....

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Đại diện Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ
Ông/Bà:.....Chức danh:.....
2. Đại diện Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh
Ông/Bà:.....Chức danh:.....
3. Đại diện tổ chức/cá nhân đề nghị thẩm định công nghệ
- Đại diện hợp pháp hoặc người được ủy quyền làm việc với Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ:
Ông/Bà:.....Chức danh:.....

- Nhân sự chuyên môn phụ trách công nghệ, nhân sự vận hành và đảm bảo an toàn:

Ông/Bà:.....Chức danh:.....

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Mục tiêu đánh giá:

2. Nội dung đánh giá:

IV. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Đánh giá kết quả thử nghiệm công nghệ trong điều kiện thực tế.

Biên bản được lập thành ... bản, có giá trị như nhau; được các bên thống nhất nội dung và ký xác nhận.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Đại diện tổ chức/cá nhân đề nghị
thẩm định công nghệ**
(Họ, tên và chữ ký, đóng dấu)

**TM. Hội đồng
Chủ tịch/Phó Chủ tịch Hội đồng**
(Họ, tên và chữ ký)

Thư ký Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...
CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THUỘC UBND CẤP TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TB-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ

Kính gửi:¹

Căn cứ khoản 5 Điều 11 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ hồ sơ đề nghị thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù của (Tổ chức/cá nhân) nộp ngày .../.../... tại (Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh...);

Căn cứ Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ số .../QĐ-... ngày .../.../... của (Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh...);

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ ngày .../.../....

(Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thông báo kết quả thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù của (Tổ chức/cá nhân) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên công nghệ:
2. Tổ chức/cá nhân đề nghị thẩm định:
3. Mã hồ sơ:

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ được thành lập theo Quyết định số .../... của², (Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh) thông báo kết quả thẩm định công nghệ như sau:

Ghi chú:

¹ Tên tổ chức/cá nhân đề nghị thẩm định

² Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh

“Công nghệ được thẩm định đủ điều kiện để ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh”
hoặc “Công nghệ được thẩm định không đủ điều kiện để ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh”

Việc sử dụng kết quả thẩm định công nghệ tại Thông báo này tuân thủ quy định tại điểm b khoản 5 Điều 11 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN XÂY DỰNG
ĐỀ ÁN MUA VÀ PHỔ BIẾN
CÔNG NGHỆ¹****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

MẪU ĐỀ ÁN MUA VÀ PHỔ BIẾN CÔNG NGHỆ**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên Đề án:.....
2. Cơ quan chủ trì xây dựng Đề án:.....
3. Cơ quan phối hợp:
4. Thuộc lĩnh vực công nghệ²:.....
5. Phân loại mục đích Nhà nước mua và phổ biến công nghệ theo khoản 1 Điều 35a Luật số 07/2017/QH14, được bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Luật số 115/2025/QH15:
 - Điểm a khoản 1 Điều 35a (Phục vụ quốc phòng, an ninh)
 - Điểm b khoản 1 Điều 35a (Phục vụ hoạt động giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch bệnh)
6. Cơ quan tiếp nhận Đề án để thẩm định
 - Bộ Khoa học và Công nghệ
 - Bộ Quốc phòng
 - Bộ Công an

II. SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU MUA VÀ PHỔ BIẾN CÔNG NGHỆ

1. Bối cảnh và vấn đề quốc gia hoặc địa phương cần giải quyết
 - a) Thực trạng.
 - b) Hạn chế hiện nay.
 - c) Tính cấp bách.
2. Mục tiêu của việc mua và phổ biến công nghệ

Ghi chú:¹ Ghi rõ tên bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phù hợp.² Phân loại theo phân ngành khoa học và công nghệ (cấp 3) tại Thông tư số 24/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 10 năm 2025

- a) Mục tiêu tổng quát.
- b) Mục tiêu cụ thể.
- c) Kết quả dự kiến đạt được.
3. Phạm vi, đối tượng thụ hưởng.
4. Thời gian thực hiện Đề án mua và phổ biến công nghệ.
5. Nội dung khác (nếu có).

III. THUYẾT MINH CÔNG NGHỆ

1. Tên công nghệ.
2. Xuất xứ công nghệ.
3. Mô tả công nghệ.
4. Mức độ hoàn thiện công nghệ.
5. Giá trị sử dụng và ưu điểm vượt trội của công nghệ.
6. Khả năng triển khai công nghệ tại Việt Nam.
7. Khả năng phổ biến và nhân rộng.
8. Nội dung khác (nếu có).

IV. TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ CỦA CÔNG NGHỆ

1. Quyền sở hữu công nghệ.
2. Quyền sử dụng công nghệ.
3. Quyền sở hữu trí tuệ đối với công nghệ.
4. Chủ thể có quyền chuyển giao.
5. Rủi ro pháp lý tiềm ẩn.
6. Cam kết bảo đảm quyền sở hữu công nghệ, quyền sử dụng công nghệ hợp pháp sau khi Nhà nước mua.
7. Nội dung khác (nếu có).

V. PHƯƠNG ÁN MUA CÔNG NGHỆ

1. Hình thức mua:
 - Mua quyền sở hữu công nghệ
 - Mua quyền sử dụng công nghệ
2. Phạm vi quyền dự kiến.
3. Thời hạn sở hữu/sử dụng.
4. Điều kiện và nghĩa vụ kèm theo.

5. Giá dự kiến/giá tham chiếu.
6. Căn cứ xác định giá.
7. Phương án lựa chọn đối tác.
8. Đề xuất cơ chế đặc thù (nếu có).
9. Nội dung khác (nếu có).

VI. PHƯƠNG ÁN PHỔ BIẾN CÔNG NGHỆ

1. Đối tượng dự kiến tiếp nhận công nghệ
2. Hình thức phổ biến:

- Miễn phí
- Ưu đãi
- Cấp quyền sử dụng có điều kiện
- Hợp tác cùng phát triển công nghệ

(Mô tả chi tiết theo điểm đ khoản 3 Điều 36 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ)

3. Điều kiện áp dụng.
4. Phương án tổ chức thực hiện, đào tạo và chuyển giao năng lực.
5. Cơ chế giám sát việc sử dụng công nghệ.
6. Nghĩa vụ bảo mật và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.
7. Cơ chế thu hồi quyền sử dụng, quyền hợp tác cùng phát triển công nghệ khi vi phạm.
8. Nghĩa vụ báo cáo, theo dõi, đánh giá hiệu quả ứng dụng công nghệ của cơ quan, tổ chức được giao thực hiện Đề án.
9. Nội dung khác (nếu có).

VII. DỰ TOÁN KINH PHÍ

1. Tổng kinh phí dự kiến.
2. Cơ cấu chi:
 - a) Chi mua công nghệ.
 - b) Chi đào tạo, chuyển giao.
 - c) Chi hỗ trợ triển khai.
 - d) Chi quản lý, giám sát.
 - đ) Chi khác (nếu có).

3. Nguồn kinh phí dự kiến.
4. Cơ chế huy động nguồn lực khác (nếu có).
5. Nội dung khác (nếu có).

VIII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG

1. Hiệu quả kinh tế.
2. Hiệu quả xã hội.
3. Hiệu quả đảm bảo quốc phòng, an ninh.
4. Tác động lan tỏa.
5. Nâng cao năng lực công nghệ quốc gia.
6. Đóng góp vào phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
7. Nội dung khác (nếu có).

IX. RỦI RO VÀ BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT

1. Rủi ro kỹ thuật.
2. Rủi ro pháp lý.
3. Rủi ro tài chính.
4. Rủi ro triển khai.
5. Biện pháp kiểm soát.
6. Nội dung khác (nếu có).

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan, tổ chức chủ trì triển khai sau khi được phê duyệt Đề án.
2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan.
3. Lộ trình thực hiện.
4. Cơ chế báo cáo, kiểm tra, giám sát, đánh giá.
5. Nội dung khác (nếu có).

XI. KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị về việc phê duyệt Đề án.
2. Kiến nghị về cơ chế đặc thù (nếu có).
3. Nội dung khác (nếu có).

XII. CAM KẾT

Cơ quan chủ trì xây dựng Đề án cam kết:

1. Tính trung thực của Đề án.

2. Tính hợp pháp của quyền sở hữu công nghệ, quyền sử dụng công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ đối với công nghệ.
3. Chịu trách nhiệm về hiệu quả thực hiện.
4. Cam kết khác (nếu có).

PHỤ LỤC KÈM THEO

1. Tài liệu kỹ thuật.
2. Tài liệu pháp lý về quyền sở hữu công nghệ, quyền sử dụng công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ đối với công nghệ.
3. Dự thảo hợp đồng mua.
4. Báo giá/kết quả thẩm định giá.
5. Tài liệu tham chiếu quốc tế (gồm công bố quốc tế, báo cáo thường niên và các tài liệu tương tự).
6. Văn bản phối hợp liên ngành (gồm biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác và các văn bản tương tự).
7. Tài liệu khác (nếu có).

..., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
MUA VÀ PHỔ BIẾN CÔNG NGHỆ¹ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
HỘI ĐỒNG

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN MUA VÀ PHỔ BIẾN CÔNG NGHỆ

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH

1. Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 115/2025/QH15;
2. Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;
3. Hồ sơ Đề án do ... (cơ quan chủ trì xây dựng);
4. Quyết định số .../QĐ-TTg ngày .../.../... của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng thẩm định quốc gia mua và phổ biến công nghệ.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ ÁN

1. Cơ quan chủ trì xây dựng Đề án:
2. Lĩnh vực công nghệ²:
3. Phân loại mục đích Nhà nước mua và phổ biến công nghệ theo khoản 1 Điều 35a Luật số 07/2017/QH14, được bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Luật số 115/2025/QH15:
 - Điểm a khoản 1 Điều 35a (Phục vụ quốc phòng, an ninh)
 - Điểm b khoản 1 Điều 35a (Phục vụ hoạt động giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch bệnh)
4. Hình thức mua đề xuất:
 - Mua quyền sở hữu công nghệ
 - Mua quyền sử dụng công nghệ
5. Hình thức phổ biến đề xuất:
 - Miễn phí
 - Ưu đãi

Ghi chú:

¹ Ghi rõ Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an

² Phân loại theo phân ngành khoa học và công nghệ (cấp 3) tại Thông tư số 24/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 10 năm 2025

- Cấp quyền sử dụng có điều kiện
- Hợp tác cùng phát triển công nghệ

III. QUÁ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Thời gian họp Hội đồng:
2. Hình thức họp³:
 - Trực tiếp
 - Trực tuyến
 - Trực tiếp kết hợp với trực tuyến
 - Lấy ý kiến bằng văn bản
3. Thành phần tham dự:
4. Tóm tắt nội dung thảo luận chính:

.....

.....

.....

IV. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Sự cần thiết mua và phổ biến công nghệ theo mục tiêu quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; mức độ cấp bách và phạm vi vấn đề quốc gia hoặc địa phương cần giải quyết;
2. Giá trị sử dụng, mức độ sẵn sàng và khả năng triển khai, ứng dụng công nghệ; sự phù hợp của công nghệ với năng lực tiếp nhận, tổ chức triển khai theo phương án tại Đề án;
3. Tính hợp pháp của quyền sở hữu trí tuệ và quyền chuyển giao công nghệ; khả năng bảo đảm quyền sử dụng hợp pháp khi phổ biến;
4. Tính phù hợp, khả thi của phương án mua công nghệ (mua quyền sở hữu hoặc mua quyền sử dụng), bao gồm phạm vi quyền, thời hạn, điều kiện và nghĩa vụ kèm theo;
5. Tính phù hợp, khả thi của phương án phổ biến công nghệ, bao gồm đối tượng tiếp nhận, hình thức phổ biến, điều kiện áp dụng, phương án tổ chức thực hiện và kế hoạch đào tạo, chuyển giao năng lực;
6. Hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến, tác động lan tỏa, khả năng tạo đột phá trong nâng cao năng lực công nghệ của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam;

Ghi chú:

³ Lựa chọn một hoặc các trường hợp phù hợp

7. Tính hợp lý của dự toán kinh phí, nguồn kinh phí và khả năng sử dụng ngân sách minh bạch, hiệu quả;

8. Rủi ro kỹ thuật, rủi ro pháp lý và phương án kiểm soát rủi ro.

V. KẾT LUẬN

1. Đánh giá về sự cần thiết mua và phổ biến công nghệ;

2. Đánh giá về tính phù hợp của công nghệ, mức độ sẵn sàng và khả năng triển khai;

3. Đánh giá về tính hợp pháp của quyền sở hữu trí tuệ và quyền chuyển giao;

4. Đánh giá về tính khả thi của phương án mua và phương án phổ biến công nghệ;

5. Đánh giá về hiệu quả dự kiến và tính hợp lý của kinh phí;

6. Kiến nghị phê duyệt hoặc không phê duyệt; trường hợp kiến nghị phê duyệt phải nêu rõ các điều kiện, yêu cầu kèm theo để kiểm soát rủi ro và bảo đảm hiệu quả.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Sau khi thẩm định, Hội đồng thống nhất đề xuất⁴:

Phê duyệt Đề án

Phê duyệt có điều kiện

Không phê duyệt

Trường hợp phê duyệt có điều kiện, kiến nghị rõ:

1. Điều kiện, yêu cầu về phạm vi quyền:

2. Điều kiện, yêu cầu về đối tượng phổ biến:

3. Điều kiện, yêu cầu về kiểm soát rủi ro:

4. Điều kiện, yêu cầu về cơ chế tài chính:

5. Điều kiện, yêu cầu khác (nếu có):

VII. Ý KIẾN KHÁC (nếu có)

1. Ý kiến bảo lưu.

2. Ý kiến khác (nếu có).

Các thành viên Hội đồng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

⁴ Lựa chọn một (01) trong các trường hợp

